



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

Báo cáo tài chính quý 3/2009

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Bảng cân đối kế toán	02 - 04
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	05 - 05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	06 - 06
Thuyết minh Báo cáo tài chính	07 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30.09.2009	01.01.2009
	TÀI SẢN			
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,438,185,623,021	1,164,271,085,307
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		858,071,981,268	666,476,933,005
111	1. Tiền	V.01	858,071,981,268	344,878,933,005
112	2. Các khoản tương đương tiền		0	321,598,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		5,238,502,152	19,988,502,152
128	1. Đầu tư ngắn hạn khác	V.02	5,238,502,152	19,988,502,152
129	2. Dự phòng giảm giá ch.khoản đ.tư ngắn hạn		0	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.03	344,504,092,181	165,532,489,223
131	1. Phải thu của khách hàng		135,872,391,861	131,509,556,593
132	2. Trả trước cho người bán		164,871,799,319	7,369,433,318
135	5. Các khoản phải thu khác		43,759,901,001	26,653,499,312
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		0	0
140	IV. Hàng tồn kho		226,436,925,402	300,666,897,061
141	1. Hàng tồn kho	V.04	228,511,458,860	306,422,597,442
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-2,074,533,458	-5,755,700,381
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	3,934,122,018	11,606,263,866
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		886,886,693	1,885,049,658
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		2,274,007,356	9,414,519,558
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		773,227,969	306,694,650
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,172,741,297,103	1,114,874,562,934
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II. Tài sản cố định		181,118,195,750	188,729,517,465
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	100,904,481,698	113,245,602,519
222	- Nguyên giá		347,367,169,248	347,210,250,391
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-246,462,687,550	-233,964,647,872
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.06	12,204,351,384	12,626,284,857
228	- Nguyên giá		14,416,740,178	14,416,740,178
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-2,212,388,794	-1,790,455,321
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	68,009,362,668	62,857,630,089
240	III. Bất động sản đầu tư	V.09	10,098,457,819	10,020,276,000
241	- Nguyên giá		11,211,821,819	11,133,640,000


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30.09.2009	01.01.2009
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-1,113,364,000	-1,113,364,000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.10	867,746,607,332	803,140,862,332
251	1. Đầu tư vào công ty con		110,000,000,000	42,500,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		281,844,326,450	281,844,326,450
258	3. Đầu tư dài hạn khác		517,120,903,566	734,098,903,566
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-41,218,622,684	-255,302,367,684
260	V. Tài sản dài hạn khác		113,778,036,202	112,983,907,137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	3,778,036,202	2,983,907,137
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.21	0	0
268	3. Tài sản dài hạn khác		110,000,000,000	110,000,000,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,610,926,920,124	2,279,145,648,241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30.09.2009	01.01.2009
	NGUỒN VỐN			
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		163,816,627,280	70,476,975,213
310	I. Nợ ngắn hạn		163,728,862,757	70,120,198,697
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	51,869,388,450	0
312	2. Phải trả cho người bán	V.13	55,985,415,202	28,911,908,320
313	3. Người mua trả tiền trước	V.13	970,941,610	72,675,000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	15,037,907,149	735,306,810
315	5. Phải trả công nhân viên		7,323,832,353	7,310,119,353
316	6. Chi phí phải trả	V.15	10,000,000	0
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.16	32,531,377,993	33,090,189,214
320	II. Nợ dài hạn	V.17	87,764,523	356,776,516
326	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		87,764,523	356,776,516
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,447,110,292,844	2,208,668,673,028
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	2,446,242,922,258	2,208,282,494,233
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		654,000,000,000	654,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1,564,815,620,534	1,563,030,722,378
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-51,805,816,591	-57,562,018,435
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		90,543,750,157	90,553,750,157
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		34,158,108,676	34,158,108,676
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		154,531,259,482	-75,898,068,543
430	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		867,370,586	386,178,795
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		867,370,586	386,178,795
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,610,926,920,124	2,279,145,648,241

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30.09.2009	01.01.2009
-------	----------	-------------	------------	------------



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 03 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 03 Năm 2009	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2009	Quý 03 Năm 2008	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	116,858,211,864	259,198,985,701	94,240,907,904	1,199,064,324,917
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.20	0	0		8,465,400
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	VI.21	116,858,211,864	259,198,985,701	94,240,907,904	1,199,055,859,517
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	103,981,643,276	252,476,838,438	80,244,201,023	1,076,650,253,098
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,876,568,588	6,722,147,263	13,996,706,881	122,405,606,419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	30,592,874,244	71,940,683,443	60,994,747,847	95,867,095,699
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	-19,693,153,730	-186,827,796,609	-92,225,426,079	89,862,851,618
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		289,747,637	289,747,637	7,660,299,507	17,731,753,157
8. Chi phí bán hàng	24		3,731,818,353	8,953,688,914	2,544,823,565	8,583,460,370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,142,912,228	12,562,157,337	8,686,293,541	26,145,894,095
kinh doanh	30		56,287,865,981	243,974,781,064	155,985,763,701	93,680,496,035
11. Thu nhập khác	31		0	1,161,828,808	198,763,035	901,512,268
12. Chi phí khác	32		0	474,821,666		21,000,000
13. Lợi nhuận khác	40		0	687,007,142	198,763,035	880,512,268
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56,287,865,981	244,661,788,206	156,184,526,736	94,561,008,303
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	1,963,319,544	12,893,026,658	3,198,498,645	7,092,075,662
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.25	54,324,546,437	231,768,761,548	152,986,028,091	87,468,932,641
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		857	3,656	2,413	1,380

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2009

Người Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 03 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1.Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		71,523,965,336	196,280,357,830
02	2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		-81,289,882,977	-43,834,731,643
03	3.Tiền chi trả cho người lao động		-3,817,135,500	-4,441,493,133
04	4.Tiền chi trả lãi vay		-289,747,637	-3,839,871,701
05	5.Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp			0
06	6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		305,246,039,776	18,261,119,045
07	7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-274,387,969,763	-62,275,419,518
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD		16,985,269,235	100,149,960,880
	II.LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
21	1.Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ & các tài sản D/hạn khác		-10,718,366,696	-1,248,921,695
22	2.Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các t.sản D/hạn khác			
24	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13,250,000,000	800,000,000
25	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-143,075,000,000	-33,000,000,000
26	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		65,551,000,000	
27	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17,930,237,878	29,320,591,544
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(57,062,128,818)	(4,128,330,151)
	III.LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ p.hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		0	0
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành		0	-23,188,739,820
33	3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		0	0
34	4.Tiền chi trả nợ gốc vay		0	-169,814,605,794
36	6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		0	-1,807,000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		0	-193,005,152,614
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(40,076,859,583)	(96,983,521,885)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		898,148,840,851	757,302,475,309
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.01	858,071,981,268	660,318,953,424

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2009

Người Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 03 Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông, tên giao dịch đối ngoại viết tắt là SACOM, (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo theo quyết định số 955/1997/QĐ – TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ Tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ – TCCB ngày 7 tháng 2 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Giấy đăng ký kinh doanh số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998 và thay đổi lần 8 vào ngày 02 tháng 10 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh lần 8 là: 654.000.000.000 đồng.

Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại số 152/11B đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh; Các xưởng của Công ty: nhà xưởng (1) đặt tại Khu công nghiệp Biên Hoà I, phường An Bình, Tp Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và nhà xưởng (2) đặt tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Chi nhánh tại Hà Nội: số 360B Âu Cơ, quận Hồ Tây, Tp Hà Nội.

Công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo giấy phép số 02/GPPH ngày 02/06/2000 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Tên giao dịch chứng khoán: SAM

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp);
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định được trích theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	từ 05 đến 10 năm
- Máy móc, thiết bị	từ 05 đến 10 năm
- Phương tiện vận tải	từ 04 đến 08 năm
- Thiết bị văn phòng	từ 03 đến 05 năm

- Nguyên tắc ghi nhận các khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác tương đương của Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán, các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua chứng khoán đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tính theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu
Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Đơn vị tính: đồng VN

01. Tiền	30.09.2009	01.01.2009
Tiền mặt	69,892,113	117,066,171
Tiền gửi ngân hàng	858,002,089,155	344,761,866,834
Các khoản tương đương tiền (*)	-	321,598,000,000
Cộng	858,071,981,268	666,476,933,005

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều kiện rút gốc linh hoạt

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.09.2009	01.01.2009
+ Công ty TNHH Bao bì Việt	2,750,000,000	15,000,000,000
+ Công ty Cổ phần Bao bì Sam Thịnh	1,788,502,152	1,788,502,152
+ Công ty Cổ phần Sam Phú	700,000,000	3,200,000,000
Cộng	5,238,502,152	19,988,502,152

03. Các khoản phải thu ngắn hạn	30.09.2009	01.01.2009
a) Phải thu khách hàng	135,872,391,861	131,509,556,593
b) Trả trước cho người bán	164,871,799,319	7,369,433,318
c) Các khoản phải thu khác	43,759,901,001	26,653,499,312
Cộng	344,504,092,181	165,532,489,223

(a) Các khoản phải thu của khách hàng : Chủ yếu là khoản tiền bán cáp cho các Bưu điện, các công ty thuộc ngành bưu điện trong cả nước.

(b) Trả trước cho người bán: chủ yếu là tiền ứng trước cho dự án Resort Đà Lạt, Giai việt và tiền mua vật tư.

(c) Các khoản phải thu khác: chủ yếu là tiền cổ tức, lãi tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng, thu tiền bán cổ phiếu.

Ghi chú: Không có công nợ khó đòi và khách hàng mua hàng không có khả năng thanh toán.

04. Hàng tồn kho	30.09.2009	01.01.2009
- Hàng mua đang đi đường	-	18,584,715,445
- Nguyên liệu, vật liệu	135,472,016,332	181,765,715,340
- Công cụ, dụng cụ	1,163,815,205	1,244,367,460
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18,893,150,469	34,491,790,680
- Thành phẩm	71,959,754,999	69,695,893,604
- Hàng hoá	699,721,856	640,114,913
- Hàng gửi đi bán	322,999,999	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	228,511,458,860	306,422,597,442
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-2,074,533,458	-5,755,700,381
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	226,436,925,402	300,666,897,061

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG****Báo cáo tài chính quý 3/2009**

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

Đơn vị tính: VND

05. Tài sản ngắn hạn khác	30.09.2009	01.01.2009
a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	886,886,693	1,885,049,658
b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước	2,274,007,356	9,414,519,558
c) Tài sản ngắn hạn khác	773,227,969	306,694,650
Cộng	3,934,122,018	11,606,263,866

(c): Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng công nhân viên Công ty	773,227,969	306,694,650
Cộng	773,227,969	306,694,650

06. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư tại ngày 30.06.2009	12,234,883,978	2,181,856,200	14,416,740,178
- Mua sắm mới	-	-	-
- K/c từ Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại ngày 30.09.2009	12,234,883,978	2,181,856,200	14,416,740,178
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 30.06.2009	1,664,872,855	406,871,448	2,071,744,303
- Khấu hao trong quý 03.09	54,752,967	85,891,524	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại ngày 30.09.2009	1,719,625,822	492,762,972	2,212,388,794
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
Số dư tại ngày 30.06.2009	10,570,011,123	1,774,984,752	12,344,995,875
Số dư tại ngày 30.09.2009	10,515,258,156	1,689,093,228	12,204,351,384


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

Báo cáo tài chính quý 3/2009
07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 30.06.2009	43,772,966,344	287,607,756,262	3,313,061,811	11,957,960,362	346,651,744,779
- Mua sắm mới		715,424,469			715,424,469
- K/c từ Xây dựng cơ bản dở dang					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư tại ngày 30.09.2009	43,772,966,344	288,323,180,731	3,313,061,811	11,957,960,362	347,367,169,248
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 30.06.2009	23,444,869,031	208,822,561,960	2,497,088,131	7,376,835,355	242,141,354,477
- Khấu hao trong quý 03.09	696,544,659	3,164,809,275	133,029,864	326,949,275	4,321,333,073
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư tại ngày 30.09.2009	24,141,413,690	211,987,371,235	2,630,117,995	7,703,784,630	246,462,687,550
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 30.06.2009	20,328,097,313	78,785,194,302	815,973,680	4,581,125,007	104,510,390,302
Số dư tại ngày 30.09.2009	19,631,552,654	76,335,809,496	682,943,816	4,254,175,732	100,904,481,698

- Nguyên giá TSCĐ cuối quý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **184,873,214,441**

- Giá trị còn lại cuối quý của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.



08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.09.2009	01.01.2009
Cộng	68,009,362,668	62,857,630,089
- Chi phí XD CB dở dang		
Trong đó: công trình lớn	68,009,362,668	62,857,630,089
- Dự án XD cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	59,286,243,300	59,283,516,027
- Dự án Nhơn Trạch	-	78,181,819
- Dự án Resort Đà Lạt	8,219,841,279	3,173,319,033
- Chi phí mua, lắp đặt TS cáp quang	503,278,089	322,613,210

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	30.06.2009	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30.09.2009
I. Nguyên giá BĐS đầu tư				
1. Quyền sử dụng đất	11,133,640,000	78,181,819	-	11,211,821,819
2. Nhà	-	-	-	-
Cộng	11,133,640,000	78,181,819	-	11,211,821,819
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Quyền sử dụng đất	1,113,364,000	-	-	1,113,364,000
2. Nhà	-	-	-	-
Cộng	1,113,364,000	-	-	1,113,364,000
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
1. Quyền sử dụng đất	10,020,276,000	-	-	10,098,457,819
2. Nhà	-	-	-	-
Tổng	10,020,276,000	-	-	10,098,457,819

Quyền sử dụng 65.492 m2 đất (nguồn gốc từ đất nông nghiệp) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào tháng 12/2003, thời hạn sử dụng đất này từ 44-50 năm. Đã có ý kiến của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thoả thuận địa điểm cho Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch. Công ty không trích khấu hao theo biên bản kiểm toán Nhà nước tại Cục thuế Tỉnh Đồng nai ngày 26/8/2008.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30.09.2009	01.01.2009
- Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	133,736,136,450	133,736,136,450
- Đầu tư vào công ty liên kết	148,108,190,000	148,108,190,000
- Đầu tư dài hạn khác:	517,120,903,566	734,098,903,566
- Đầu tư công ty con (SACOMLAND):	110,000,000,000	42,500,000,000
- Dự phòng đầu tư tài chính:	-41,218,622,684	-255,302,367,684
Cộng	867,746,607,332	803,140,862,332

Danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh

Công ty	Tỷ lệ % vốn ĐL	Giá trị vốn góp đến 30/06/2009	Tăng	Giảm	Giá trị vốn góp đến 30/09/2009
A. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
- Cty LD TaiHan-Sacom (*)	30.00%	133,736,136,450	0	0	133,736,136,450
- Cty CP Sam Thịnh	35.43%	18,750,000,000	0	0	18,750,000,000
- Cty CP Sam Phú	25.10%	12,548,190,000	0	0	12,548,190,000
- Cty CP Cáp Sài Gòn	31.14%	107,310,000,000	0	0	107,310,000,000
- Cty CP Sam Cường	30.00%	7,500,000,000	0	0	7,500,000,000
- Cty CP Khu CN Hải phòng	20.00%	2,000,000,000	0	0	2,000,000,000
Cộng A		281,844,326,450	-	-	281,844,326,450
B. Đầu tư dài hạn khác					
- Quỹ Đầu tư Prudential	2.00%	4,120,000,000	0	0	4,120,000,000
- Cty CP Du lịch Bưu Điện	2.50%	3,000,000,000	0	0	3,000,000,000
- Cty CP Saicom	3.91%	500,000,000	0	0	500,000,000
- Cty XL&DV Khánh Hòa	12.27%	613,548,000	0	0	613,548,000
- Cty CP ALPHANAM	2.33%	40,600,000,000	546,000,000	0	41,146,000,000
- Cty CP MOMOTA	4.20%	13,500,000,000	0	0	13,500,000,000
- Cty CP Hòa Phát	4.00%	199,368,600,000	0	65,661,600,000	133,707,000,000
- Cty CP Thăng Long	15.00%	15,000,000,000	0	0	15,000,000,000
- Cty TNHH Thăng Long	20.00%	8,935,476,000	0	0	8,935,476,000
- Quỹ tầm nhìn SSI	16.47%	280,000,000,000	0	0	280,000,000,000
- Pacific Communication Campuchia		6,598,879,566	0	0	6,598,879,566
- Cty CP CK phố WALL	5.95%	10,000,000,000	0	0	10,000,000,000
Cộng B		582,236,503,566	546,000,000	65,661,600,000	517,120,903,566
C. Đầu tư vào công ty con					
- Cty CP địa ốc SACOM (SAMLAND)	55.00%	57,500,000,000	52,500,000,000	0	110,000,000,000
Cộng C		57,500,000,000	52,500,000,000	-	110,000,000,000
Tổng cộng (A+B+C)		921,580,830,016	53,046,000,000	65,661,600,000	908,965,230,016


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

11. Chi phí trả trước dài hạn	30.09.2009	01.01.2009
- Chi phí phục vụ các dự án (*)	3,778,036,202	2,983,907,137
Cộng	3,778,036,202	2,983,907,137
* Chủ yếu chi phí phục vụ dự án Resort Đà Lạt, cao ốc Văn phòng, phần mềm ERP.		
12. Vay và nợ ngắn hạn	30.09.2009	01.01.2009
Cộng	51,869,388,450	-
Vay : 2.911.196,19 USD để trả tiền nhập vật tư, hàng hóa do khó mua USD nên ngân hàng yêu cầu vay USD		
13. Phải trả người bán và người mua trả trước	30.09.2009	01.01.2009
- Phải trả người bán (*)	55,985,415,202	28,911,908,320
- Người mua trả trước	970,941,610	72,675,000
Cộng	56,956,356,812	28,984,583,320
(*) Phải trả người bán: Chủ yếu là nợ tiền mua vật tư chưa đến hạn thanh toán với các nhà cung cấp		
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30.09.2009	01.01.2009
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1,180,136,851	713,187,345
- Thuế giá trị gia tăng hàng NK	886,886,693	
- Thuế nhập khẩu	77,856,947	22,119,465
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,893,026,658	
Cộng	15,037,907,149	735,306,810
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30.09.2009	01.01.2009
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	53,191,118
- Kinh phí công đoàn	400,315,642	499,791,887
- Cổ tức phải trả	1,200,721,692	1,218,780,160
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	30,930,340,659	31,318,426,049
Cộng	32,531,377,993	33,090,189,214
(*) : Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác: chủ yếu là tiền góp vốn vào XN Cấp quang của Công ty cổ phần cấp Sài Gòn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16/07/HTKD/SACOM-SCC và tiền ký quỹ, ...		
17. Nợ dài hạn	30.09.2009	01.01.2009
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	87,764,523	356,776,516
Cộng	87,764,523	356,776,516


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

Báo cáo tài chính quý 3/2009
18. Vốn chủ sở hữu
18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu
Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	545,000,000,000	1,633,495,025,600	211,511,395,931	34,237,704,536	-	-	2,424,244,126,067
- Tăng vốn trong năm	109,000,000,000	-	488,750,000			-57,562,018,435	51,926,731,565
- Lợi nhuận tăng trong năm					-		-
- Phân phối các quỹ					-		-
- Tăng khác					-		-
- Chia cổ tức năm nay			-		-		-
- Giảm khác		-70,464,303,222	-121,446,395,774	-79,595,860	-75,898,068,543		-267,888,363,399
Số dư cuối năm trước	654,000,000,000	1,563,030,722,378	90,553,750,157	34,158,108,676	-75,898,068,543	-57,562,018,435	2,208,282,494,233
Số dư 30.06.2009	654,000,000,000	1,563,030,722,378	90,553,750,157	34,158,108,676	100,206,713,045	-57,562,018,435	2,384,387,275,821
- Tăng vốn trong năm							-
- Lợi nhuận tăng trong năm					54,324,546,437		54,324,546,437
- Phân phối các quỹ							-
- Tăng khác		1,784,898,156					1,784,898,156
- Chia cổ tức năm nay							-
- Giảm khác			(10,000,000)			5,756,201,844	5,746,201,844
Số dư 30.09.2009	654,000,000,000	1,564,815,620,534	90,543,750,157	34,158,108,676	154,531,259,482	-51,805,816,591	2,446,242,922,258


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30.09.2009		30.06.2009	
	Tổng số	Vốn cổ phiếu thường	Tổng số	Vốn cổ phiếu thường
- Vốn đầu tư của nhà nước	202,888,944,000	202,888,944,000	202,888,944,000	202,888,944,000
- Vốn góp cổ đông khác	451,111,056,000	451,111,056,000	451,111,056,000	451,111,056,000
- Thặng dư vốn cổ phần	1,563,030,722,378	1,563,030,722,378	1,563,030,722,378	1,563,030,722,378
Cộng	2,217,030,722,378	2,217,030,722,378	2,217,030,722,378	2,217,030,722,378

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm : không

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	30.09.2009	01.01.2009
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	654,000,000,000	545,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	109,000,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	0
+ Vốn góp cuối năm	654,000,000,000	654,000,000,000

18.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không

18.5. Cổ phiếu

	30.09.2009	01.01.2009
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	65,400,000	65,400,000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	65,400,000	65,400,000
+ Cổ phiếu thường	65,400,000	65,400,000
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	65,400,000	65,400,000
+ Cổ phiếu thường	65,400,000	65,400,000

* Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ / 01 cổ phần

18.6. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

- Bù đắp những khoản tổn thất thiệt hại về tài sản do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, những rủi ro trong kinh doanh;

- Đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh;

- Đổi mới, thay thế hoàn chỉnh máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật;

- Đổi mới trang thiết bị và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp;

- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho công nhân viên trong doanh nghiệp.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ;Fax: 08 95122919

Báo cáo tài chính quý 3/2009

- Tham gia liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo qui định hiện hành;
- Phát triển, mở rộng kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hoá	116,007,281,837	93,767,475,695
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	850,930,027	473,432,209
Cộng	116,858,211,864	94,240,907,904
20. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-
21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm, hàng hoá	116,007,281,837	93,767,475,695
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	850,930,027	473,432,209
Cộng	116,858,211,864	94,240,907,904
22. Giá vốn hàng bán	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Giá vốn của hàng hoá và thành phẩm đã cung cấp	103,981,643,276	80,244,201,023
Cộng	103,981,643,276	80,244,201,023
23. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17,195,664,596	37,463,243,476
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,541,450,000	23,081,850,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	24,078,851	449,654,371
- Lãi bán cổ phiếu	10,831,680,797	0
Cộng	30,592,874,244	60,994,747,847
24. Chi phí tài chính	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Lãi tiền vay	289,747,637	7,660,299,507
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	8,278,633	15,587,815,759
- Chi phí đầu tư dự án PCP		62,833,655
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(19,991,180,000)	(115,536,375,000)
Cộng	(19,693,153,730)	(92,225,426,079)
25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	1,963,319,544	-
Cộng	1,963,319,544	-


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
Báo cáo tài chính quý 3/2009

Đ/c: Khu công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai

Văn phòng: 152/11B, Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh ; ĐT: 08 35122930 ; Fax: 08 95122919

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56,287,865,981	156,184,526,736
- Tổng thu nhập chịu thuế kỳ này	56,287,865,981	156,184,526,736
- Lỗ năm trước chuyển sang	0	
- Tổng thu nhập chịu thuế	56,287,865,981	156,184,526,736
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8,443,179,897	3,198,498,645
- Thuế TNDN được giảm 30% theo TT 03/2009 là:	2,532,953,969	
- Thuế TNDN phải nộp :	5,910,225,928	3,198,498,645
- Thuế TNDN điều chỉnh sau kiểm toán 6 tháng 2009 :	3,946,906,384	
- Lợi nhuận sau thuế:	54,324,546,437	152,986,028,091

- Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong thời gian 5 năm cho toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp từ ngày 01/01/2004 đến ngày 31/12/2008, với thuế suất thuế TNDN là 15%.

- Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong 2 năm cho toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2010.

26. Chi phí sản xuất theo yếu tố	Quý 03 Năm 2009	Quý 03 Năm 2008
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91,736,717,927	102,184,429,619
- Chi phí nhân công	4,064,269,180	6,871,963,709
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,461,977,564	4,703,213,114
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,268,629,983	3,025,856,076
- Chi phí khác	2,315,925,947	1,555,536,667
Cộng	106,847,520,601	118,340,999,185

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2009
Người Lập biểu
Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường